

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Tô Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:*

3.1 Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1998. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

3.2 Bà Tô Thị L, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2020 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T cưới nhau vào năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do quen biết trước, sau khi cưới ông và bà T cùng sống chung với gia đình ông, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 08 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp L, xã B sinh sống. Ông và bà T cũng như hai bên gia đình có gặp nhau vài lần nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, ông yêu cầu được ly hôn với bà Tô Thị T.

2. Về việc nuôi con: Ông và bà T chung sống với nhau có 02 con chung, đều là con gái tên là Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 17/8/1998 và Nguyễn Thị Triệu V, sinh ngày 28/02/2001. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống được và con chung Thanh N đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông và bà T chung sống với nhau không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông và bà T chung sống với nhau không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn bà Tô Thị T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Người làm chứng:

Tại bản khai ngày 16/4/2020 người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh N, trình bày: Chị là con ruột của ông H, bà T, em ruột của chị là Tô Thị Triệu V, sinh năm 2001. Hiện chị đã có gia đình riêng, còn Triệu V đi làm có khả năng nuôi sống mình. Ba chị yêu cầu ly hôn với mẹ chị thì chị không có ý kiến gì, quyền quyết định là của ba chị. Ba mẹ chị đã không sống chung với nhau lúc chị 12 tuổi, lý do có mâu thuẫn về chuyện tiền bạc nên mẹ chị bỏ nhà đi. Mẹ chị có liên lạc thường xuyên với chị em chị. Hiện mẹ chị đang ở Bình Dương nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể, vì khi gặp mẹ chị là tại nhà cô và chị chưa trực tiếp lại chỗ mẹ chị ở, mẹ chị có biết việc ba chị làm đơn ly hôn nhưng mẹ chị không về được. Ba mẹ chị không có nợ và tài sản chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2020 người làm chứng bà Tô Thị L, trình bày: Bà là chị ruột của bà Tô Thị T, giữa bà với ông H, bà T không có mâu thuẫn. Ông H, bà T cưới nhau có đăng ký kết hôn hay không bà không rõ. Sau này, bà thấy có cán bộ xã lại nhà ghi ai không đăng ký kết hôn nhưng bà không biết ông H, bà T có đăng ký kết hôn không. Ông H, bà T chung sống với nhau

có mâu thuẫn gì thì bà không biết nhưng không còn sống chung từ vài năm nay, không nhớ cụ thể bao lâu. Bà T đi làm không có ở nhà, bà cũng không biết chỗ ở hiện nay của bà T. Vợ chồng ông H, bà T có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh N và Nguyễn Thị Triệu V, không rõ năm sinh nhưng 02 con chung đã trên 18 tuổi, Thanh N đã có gia đình riêng, Triệu V hiện đang đi làm xa. Còn tài sản chung và nợ chung của ông H, bà T thì bà không biết. Bà chỉ cho lời khai chứ không thống nhất ký tên vào biên bản, vì không muốn Tòa án mời và liên quan đến vụ việc. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn H và bà Tô Thị T, vì ông H, bà T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn. Về con chung: Đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Tô Thị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và bà T hiện đang cư trú tại ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Tô Thị T, người làm chứng bà Tô Thị L, chị Nguyễn Thị Thanh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng bà T, bà L, chị N vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, bà L, chị N đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, bà L, chị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Tô Thị T chung sống như vợ chồng từ năm 1998 và không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận ngày 24/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh ĐT thì ông H, bà T không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông H cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 8 năm 2009, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2009 cho đến nay nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Tô Thị T. Hội đồng xét xử nhận thấy ông H, bà T là người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia

đình nhưng do ông H, bà T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì việc kết hôn không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng do ông H yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn H và bà Tô Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Con chung Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 17/8/1998 và Nguyễn Thị Triệu V, sinh ngày 28/02/2001 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn H chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001144 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1, 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn H và bà Tô Thị T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001144 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/7/2020) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung